



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/MYH27/VHU/TB

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc thay đổi đơn vị quản lý ngành đào tạo

Căn cứ kết luận của Chủ tịch Hội đồng Cộng sự tại Văn bản kết luận số 203/MYH26/HHH/VBKL-VPCT ngày 08/9/2026 V/v Hợp Sơ đồ tổ chức của VHE myH27 - Lần 2.

Nhà trường thông báo V/v thay đổi đơn vị quản lý ngành đào tạo như sau:

1. Phân công đơn vị quản lý ngành đào tạo

STT	Ngành đào tạo	Đơn vị quản lý hiện hành	Đơn vị quản lý mới
1.	Luật	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
2.	Luật kinh tế	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
3.	Ngôn ngữ Anh	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
4.	Ngôn Ngữ Pháp	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
5.	Ngôn ngữ Trung Quốc	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
6.	Ngôn ngữ Nhật	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
7.	Quan hệ quốc tế	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
8.	Đông phương học	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
9.	Trung Quốc học	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế

2. Danh mục học phần và đơn vị quản lý (phụ lục đính kèm).

3. Thời gian áp dụng: kể từ ngày 01/10/2026.

Nơi nhận:

- TT.HĐT (để b/c);
- Sinh viên các khóa;
- Các đơn vị trong Trường;
- Đăng tải: website QLĐT;
- Lưu: VT, QLĐT.

TUQ. HIỆU TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH THƯỜNG TRỰC

(đã ký)

Trần Thị Phương Thảo



PHỤ LỤC

Danh mục học phần và đơn vị quản lý mới

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 08/MYH27/VHU/TB ngày 09 tháng 10 năm 2026)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị quản lý hiện hành	Đơn vị quản lý mới
1	LAW301	Nhập môn ngành Luật	2	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
2	LAW302	Trải nghiệm ngành, nghề	1	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
3	LAW304	Luật hiến pháp	2	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
4	LAW305	Luật công chứng và chứng thực	2	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
5	LAW401	Luật hình sự	3	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
6	LAW402	Luật tố tụng hình sự	3	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
7	LAW403	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	3	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
8	LAW404	Luật đầu tư	3	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
9	LAW405	Luật doanh nghiệp	3	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
10	LAW406	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	3	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
11	LAW407	Tư vấn pháp lý trong đầu tư và kinh doanh dự án bất động sản nâng cao	2	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
12	LAW408	Luật môi trường	3	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
13	LAW410	Pháp luật về thuế	3	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
14	LAW411	Tư vấn thuế nâng cao trong hoạt động kinh doanh	3	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
15	LAW412	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	3	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
16	LAW413	Luật đất đai	3	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
17	LAW414	Luật hợp đồng	3	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
18	LAW415	Tư vấn luật nâng cao trong khởi nghiệp kinh doanh và Phát triển doanh nghiệp	2	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
19	LAW416	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị quản lý hiện hành	Đơn vị quản lý mới
20	LAW417	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	3	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
21	LAW418	Kỹ năng tư vấn luật thuế	3	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
22	LAW420	Pháp luật về cạnh tranh	2	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
23	LAW421	Lập và quản lý dự án đầu tư	3	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
24	LAW422	Pháp luật về hải quan và xuất nhập khẩu	3	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
25	LAW423	Luật thương mại	3	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
26	LAW424	Luật dân sự và tố tụng dân sự	3	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
27	LAW425	Luật kinh doanh bảo hiểm	2	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
28	LAW427	Tư pháp quốc tế	3	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
29	LAW428	Công pháp quốc tế	2	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
30	LAW429	Pháp luật về trọng tài thương mại	2	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
31	LAW430	Luật dân sự	3	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
32	LAW431	Luật tố tụng dân sự	3	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
33	LAW432	Luật hôn nhân gia đình	2	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
34	LAW433	Luật tài sản	3	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
35	LAW434	Pháp luật về thừa kế	2	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
36	LAW435	Pháp luật về giao dịch đảm bảo	2	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
37	LAW436	Lý luận và pháp luật về quyền con người	2	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
38	LAW437	Tư vấn hợp đồng trong lĩnh vực lao động	2	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
39	LAW438	Tư vấn trong lĩnh vực đất đai	2	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
40	LAW439	Luật tài chính	2	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
41	LAW440	Pháp luật về tín dụng và chứng khoán	3	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
42	LAW442	Luật phá sản	3	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
43	LAW501	TTTT Luật	5	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
44	LAW502	KLTN Luật	12	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
45	LAW503	Luật an sinh xã hội	2	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị quản lý hiện hành	Đơn vị quản lý mới
46	LAW504	Pháp luật về thi hành án	2	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
47	LAW505	Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	2	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
48	LAW506	Kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng	3	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
49	LAW507	Kế toán doanh nghiệp và pháp luật về chứng từ kế toán	3	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
50	PSY450	Luật lao động	3	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
51	LAW513	HKDN Luật	12	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
52	LAW303	Nhập môn ngành Luật Kinh tế	2	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
53	LAW306	Trải nghiệm ngành, nghề	1	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
54	LAW308	Các học thuyết chính trị - pháp lý	2	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
55	LAW309	Lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật	2	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
56	LAW447	Tội phạm học	2	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
57	LAW454	Kỹ năng soạn thảo văn bản pháp lý	2	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
58	LAW455	Kiến tập nghề nghiệp	1	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
59	LAW310	Kỹ năng và đạo đức hành nghề luật	2	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
60	LAW446	Luật Phòng, chống tham nhũng	2	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
61	LAW511	TTTN Luật kinh tế	5	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
62	LAW512	KLTN Luật kinh tế	9	Khoa Kế toán Tài chính	Khoa Luật và Luật quốc tế
63	ENG307	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ TATM	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
64	ENG309	Trải nghiệm ngành, nghề	1	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
65	ENG427	Tiếng Anh đọc 1	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
66	ENG430	Tiếng Anh nghe - nói 1	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
67	ENG434	Tiếng Anh ngữ pháp 1	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
68	ENG428	Tiếng Anh đọc 2	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
69	ENG431	Tiếng Anh nghe - nói 2	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
70	ENG435	Tiếng Anh ngữ pháp 2	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị quản lý hiện hành	Đơn vị quản lý mới
71	ENG437	Tiếng Anh viết 1	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
72	ENG414	Giao tiếp thương mại 1	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
73	ENG432	Tiếng Anh nghe - nói 3	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
74	ENG438	Tiếng Anh viết 2	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
75	ENG305	Ngữ âm, âm vị và hình vị học	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
76	ENG415	Giao tiếp thương mại 2	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
77	ENG418	Lý thuyết biên phiên dịch	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
78	ENG439	Tiếng Anh viết 3	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
79	ENG412	Biên dịch thương mại 1	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
80	ENG421	Phiên dịch thương mại 1	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
81	ENG423	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
82	TRA437	Kỹ năng hướng dẫn viên du lịch	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
83	CHI203	Tiếng Trung giao tiếp 1	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
84	ENG413	Biên dịch thương mại 2	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
85	ENG452	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh/ TATM	4	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
86	HOS435	Nghiep vụ lễ tân nhà hàng khách sạn	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
87	JAP201	Tiếng Nhật giao tiếp 1	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
88	SKL401	Chiến thuật giao tiếp trong tiếng Anh	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
89	CHI202	Tiếng Trung giao tiếp 2	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
90	ENG304	Ngôn ngữ học so sánh	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
91	JAP202	Tiếng Nhật giao tiếp 2	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
92	ENG422	Phiên dịch thương mại 2	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
93	ENG426	Tiếng Anh chuyên ngành xuất nhập khẩu	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
94	ENG440	Tiếp thị và tổ chức sự kiện	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
95	ENG441	Thư tín thương mại	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
96	ENG501	TTTN Ngôn ngữ Anh/TATM	5	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị quản lý hiện hành	Đơn vị quản lý mới
97	ENG507	Khóa luận tốt nghiệp	12	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
98	ENG513	HKDN Ngôn ngữ Anh/ PPGDBMTA	11	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
99	ENG306	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ PPGD bộ môn TA	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
100	ENG308	Trải nghiệm ngành, nghề	1	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
101	ENG419	Phát âm	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
102	ENG436	Tiếng Anh ngữ pháp 3	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
103	ENG429	Tiếng Anh đọc 3	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
104	ENG424	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
105	ENG433	Tiếng Anh nghe - nói 4	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
106	ENG447	Văn hóa Anh	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
107	ENG448	Văn hóa Mỹ	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
108	ENG410	Luyện dịch 1	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
109	ENG425	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
110	ENG453	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh/ PPDH BM Tiếng Anh	4	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
111	ENG303	Kỹ năng sư phạm	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
112	ENG411	Luyện dịch 2	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
113	ENG420	Phiên dịch	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
114	ENG446	Cú pháp	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
115	ENG503	TTTN Ngôn ngữ Anh/ PPGD BM Tiếng Anh	5	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
116	ENG508	Khóa luận tốt nghiệp	12	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
117	ENG311	Trải nghiệm ngành, nghề Biên phiên dịch	1	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
118	ENG310	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ Biên phiên dịch	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
119	SKL203	Kỹ năng soạn thảo văn bản	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
120	ENG464	Lý thuyết dịch	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
121	ENG468	Dịch nói 1	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị quản lý hiện hành	Đơn vị quản lý mới
122	ENG465	Dịch viết 1	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
123	ENG470	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh/Biên phiên dịch	4	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
124	ENG469	Dịch nói 2	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
125	ENG466	Dịch viết 2	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
126	ENG467	Dịch viết 3	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
127	ENG512	Khóa luận tốt nghiệp Ngôn ngữ Anh/Biên phiên dịch	12	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
128	ENG511	TTTN Ngôn ngữ Anh/Biên phiên dịch	5	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
129	ENG476	Phân tích diễn ngôn	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
130	ENG475	Ngữ nghĩa - ngữ dụng học	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
131	ENG474	Cú pháp học	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
132	ENG473	Dịch nói nâng cao	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
133	ENG472	Dịch viết nâng cao	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
134	ENG471	Văn hóa Anh - Mỹ	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
135	ENG313	Trải nghiệm ngành, nghề Quốc tế học	1	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
136	ENG312	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ Quốc tế học	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
137	CUL201	Văn hoá Đông Nam Á	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
138	ENG315	Văn hoá trong giao tiếp	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
139	ENG456	Đàm phán quốc tế 1	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
140	ENG459	Các vấn đề toàn cầu	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
141	ENG458	Lịch sử quan hệ quốc tế	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
142	ENG457	Đàm phán quốc tế 2	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
143	ENG454	Quan hệ công chúng	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
144	ENG461	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh/ Quan hệ Quốc tế	4	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
145	ENG460	Chính sách đối ngoại	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
146	ENG455	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
147	ENG314	Văn hóa Anh - Mỹ	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị quản lý hiện hành	Đơn vị quản lý mới
148	ENG510	Khóa luận tốt nghiệp Ngôn ngữ Anh/Quan hệ Quốc tế	12	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
149	ENG509	TTTN Ngôn ngữ Anh/Quan hệ Quốc tế	5	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
150	ENG463	Văn hóa ngoại giao	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
151	ENG462	Quan hệ quốc tế	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
152	JAP303	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Nhật	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
153	JAP316	Trải nghiệm ngành, nghề	1	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
154	JAP306	Tiếng Nhật đọc - viết 1	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
155	JAP320	Tiếng Nhật ngữ pháp 1	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
156	JAP307	Tiếng Nhật đọc - viết 2	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
157	JAP331	Tiếng Nhật ngữ pháp 2	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
158	JAP448	Tiếng Nhật đọc - viết 3	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
159	JAP460	Tiếng Nhật ngữ pháp 3	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
160	JAP449	Tiếng Nhật đọc - viết 4	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
161	JAP461	Tiếng Nhật ngữ pháp 4	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
162	JAP423	Đất nước học Nhật Bản	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
163	JAP426	Hán tự học tiếng Nhật	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
164	JAP429	Ngôn ngữ học tiếng Nhật	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
165	JAP450	Tiếng Nhật đọc - viết 5	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
166	JAP462	Tiếng Nhật ngữ pháp 5	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
167	JAP428	Lý thuyết dịch	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
168	JAP451	Tiếng Nhật đọc - viết 6	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
169	JAP463	Tiếng Nhật ngữ pháp 6	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
170	JAP477	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Nhật	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
171	JAP420	Biên dịch thương mại Nhật Việt - Việt Nhật	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
172	JAP431	Ngữ pháp học tiếng Nhật	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị quản lý hiện hành	Đơn vị quản lý mới
173	JAP435	Phiên dịch thương mại Nhật Việt - Việt Nhật	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
174	JAP445	Tiếng Nhật công nghệ thông tin	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
175	JAP446	Tiếng Nhật công sở	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
176	JAP452	Tiếng Nhật đọc - viết 7	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
177	JAP458	Tiếng Nhật kinh thương	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
178	JAP459	Tiếng Nhật lễ hành - khách sạn	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
179	JAP464	Tiếng Nhật ngữ pháp 7	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
180	JAP466	Tiếng Nhật tài chính - ngân hàng	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
181	JAP484	Xã hội Nhật Bản đương đại	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
182	JAP421	Biên dịch thương mại Nhật Việt - Việt Nhật nâng cao	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
183	JAP436	Phiên dịch thương mại Nhật Việt - Việt Nhật nâng cao	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
184	JAP591	TTTN Ngôn ngữ Nhật	5	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
185	JAP592	Khóa luận tốt nghiệp	12	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
186	CHI332	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
187	CHI339	Trải nghiệm ngành, nghề	1	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
188	CHI327	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
189	CHI333	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
190	CHI328	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
191	CHI338	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
192	CHI324	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
193	CHI329	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
194	CHI335	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
195	CHI325	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
196	CHI330	Kỹ năng nghe - nói 4	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
197	CHI336	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị quản lý hiện hành	Đơn vị quản lý mới
198	CHI326	Kỹ năng đọc - viết 3	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
199	CHI331	Kỹ năng nghe - nói 5	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
200	CHI337	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
201	CHI418	Tiếng Trung Quốc dịch nói 1	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
202	CHI425	HSK cao cấp	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
203	CHI428	Tiếng Hán cổ đại	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
204	CHI429	Tiếng Hán hiện đại	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
205	CHI432	Trích giảng văn học Trung Quốc	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
206	CHI434	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Trung Quốc	4	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
207	CHI420	Tiếng Trung Quốc dịch viết 1	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
208	CHI422	Đất nước học Trung Quốc	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
209	CHI423	Giao tiếp thương mại cơ bản	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
210	CHI430	Thư tín thương mại	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
211	CHI427	Kỹ năng thuyết trình	1	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
212	CHI426	Kỹ năng phỏng vấn và xin việc	1	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
213	CHI433	Văn hóa doanh nghiệp	1	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
214	CHI435	Dịch viết 2	4	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
215	CHI436	Dịch nói 2	4	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
216	CHI437	Giao tiếp thương mại (nâng cao)	4	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
217	CHI535	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
218	CHI537	KLTN Ngôn ngữ Trung Quốc	12	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
219	CHI442	Lý thuyết dịch	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
220	CHI443	Tiếng Trung tổng hợp nâng cao	4	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
221	CHI441	Dịch viết 3	4	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
222	CHI440	Dịch nói 3	4	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
223	ENG319	Tiếng Anh viết 1	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị quản lý hiện hành	Đơn vị quản lý mới
224	ENG316	Tiếng Anh đọc 1	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
225	ENG478	Nghe - nói trong thương mại 1	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
226	ENG320	Tiếng Anh viết 2	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
227	ENG479	Nghe - nói trong thương mại 2	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
228	ENG302	Luyện dịch cơ bản	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
229	ENG317	Tiếng Anh đọc 2	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
230	ENG333	Nghe - nói trong thương mại 3	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
231	ENG328	Tiếng Anh đọc 3	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
232	ENG330	Tiếng Anh viết 3	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
233	ENG334	Tiếng Anh thương mại - Pre-Intermediate	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
234	ENG335	Tiếng Anh hành chính văn phòng	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
235	ENG490	Ngữ nghĩa học	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
236	ENG492	Phân tích diễn ngôn	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
237	ENG493	Văn hóa Anh - Mỹ	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
238	ENG491	Ngôn ngữ học ứng dụng	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
239	ENG489	Ngữ âm - Âm vị học	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
240	ENG336	Tiếng Anh thương mại - Intermediate	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
241	ENG341	Hình thái - Cú pháp học	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
242	ENG496	Tiếng Anh thương mại - Upper-Intermediate	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
243	ENG405	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
244	ENG498	Nghệ thuật giao tiếp quốc tế	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
245	ENG535	Đạo đức trong kinh doanh	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
246	ENG534	Văn hóa doanh nghiệp	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
247	ENG406	Quản trị nguồn nhân lực	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
248	ENG515	KLTN Ngôn ngữ Anh	12	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
249	ENG514	TTTN Ngôn ngữ Anh	5	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị quản lý hiện hành	Đơn vị quản lý mới
250	ENG480	Nguyên lý và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
251	ENG481	Tâm lý học sư phạm	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
252	ENG325	Tiếng Anh nghe - nói 3	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
253	ENG337	Kỹ năng giảng dạy tiếng Anh	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
254	ENG342	Thiết kế chương trình dạy học	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
255	ENG343	Phương pháp quản lý lớp học	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
256	ENG408	Phát triển tài liệu trong việc dạy ngôn ngữ	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
257	ENG497	Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
258	ENG485	Ứng dụng công nghệ trong việc giảng dạy tiếng Anh	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
259	ENG482	Ngôn ngữ học so sánh - đối chiếu	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
260	ENG338	Biên phiên dịch - Pre-Intermediate	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
261	ENG494	Biên phiên dịch - Intermediate	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
262	ENG495	Biên phiên dịch - Upper-Intermediate	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
263	ENG530	Đánh giá bản dịch	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
264	ENG407	Phiên dịch nâng cao	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
265	ENG401	Biên dịch nâng cao	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
266	ENG483	Nhập môn quan hệ quốc tế	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
267	ENG484	Kỹ năng đối ngoại	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
268	ENG339	Đàm phán quốc tế	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
269	ENG346	Vấn đề toàn cầu	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
270	ENG345	Nghệ vụ ngoại giao	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
271	ENG499	Nghệ thuật nói trước công chúng	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
272	ENG402	Chiến thuật giao tiếp quốc tế	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
273	ENG409	Ngoại giao đa phương tiện	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
274	JAP488	Từ vựng học tiếng Nhật	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
275	JAP491	Thư tín thương mại	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị quản lý hiện hành	Đơn vị quản lý mới
276	JAP353	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
277	JAP352	Kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
278	JAP401	Biên phiên Nhật Việt - Việt Nhật	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
279	JAP489	Phiên dịch Nhật Việt - Việt Nhật	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
280	CHI344	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
281	CHI348	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
282	CHI350	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
283	CHI451	Trích giảng văn học Trung Quốc	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
284	CHI452	Tiếng Hán cổ đại	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
285	CHI453	Đất nước học Trung Quốc	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
286	CHI454	HSK cao cấp	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
287	CHI450	Văn tự học	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
288	CHI449	Ngữ âm học	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
289	CHI448	Từ vựng tiếng Hán hiện đại	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
290	CHI340	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
291	CHI461	Tiếng Trung Quốc văn phòng	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
292	CHI460	Tiếng Trung Quốc marketing	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
293	CHI456	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Trung Quốc	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
294	CHI455	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
295	CHI424	Giao tiếp thương mại nâng cao	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
296	CHI351	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
297	CHI530	HKDN Ngôn ngữ Trung Quốc	11	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
298	CHI439	Tiếng Trung Quốc dịch viết 2	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
299	CHI457	Tiếng Trung Quốc dịch nói 2	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
300	CHI459	Tiếng Trung Quốc dịch viết 3	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
301	CHI458	Tiếng Trung Quốc dịch nói 3	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị quản lý hiện hành	Đơn vị quản lý mới
302	FRE302	Trải nghiệm ngành, nghề	1	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
303	FRE301	Nhập môn ngành	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
304	FRE303	Tiếng Pháp tổng hợp 1	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
305	FRE305	Tiếng Pháp tổng hợp 3	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
306	FRE304	Tiếng Pháp tổng hợp 2	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
307	FRE307	Tiếng Pháp tổng hợp 5	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
308	FRE306	Tiếng Pháp tổng hợp 4	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
309	FRE308	Nghe - nói 1	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
310	FRE312	Đọc - viết 1	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
311	FRE401	Ngữ âm	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
312	FRE315	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
313	FRE309	Nghe - nói 2	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
314	FRE313	Đọc - Viết 2	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
315	FRE402	Ngữ pháp	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
316	FRE406	Nhập môn chuyên ngành Tiếng Pháp thương mại	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
317	FRE310	Nghe - nói 3	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
318	FRE314	Đọc - viết 3	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
319	FRE403	Từ vựng	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
320	FRE404	Văn học Pháp	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
321	FRE405	Văn hóa Pháp	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
322	FRE411	Tiếng Pháp trong thư tín thương mại	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
323	FRE412	Tiếng Pháp trong hoạt động thương mại	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
324	FRE311	Nghe - nói 4	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
325	FRE316	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Pháp	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
326	FRE413	Tiếng Pháp trong nghiên cứu thị trường	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
327	FRE414	Tiếng Pháp trong giao tiếp thương mại	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị quản lý hiện hành	Đơn vị quản lý mới
328	FRE501	TTTN Ngôn ngữ Pháp	5	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
329	FRE502	KLTN Ngôn ngữ Pháp	12	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
330	FRE511	Nghe - nói nâng cao	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
331	FRE512	Đọc - viết nâng cao	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
332	FRE513	Hội nhập nghề nghiệp	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
333	FRE514	Tiếng Pháp trong truyền thông thương mại	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
334	FRE515	Tiếng Pháp trong đàm phán thương mại	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
335	ENG331	Nghe - nói trong thương mại 1	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
336	ENG326	Tiếng Anh đọc 1	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
337	ENG322	Tiếng Anh ngữ pháp	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
338	ENG327	Tiếng Anh đọc 2	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
339	ENG329	Tiếng Anh viết 2	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
340	ENG332	Nghe - nói trong thương mại 2	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
341	ENG323	Tiếng Anh nghe - nói 1	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
342	ENG324	Tiếng Anh nghe - nói 2	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
343	ENG344	Vấn đề toàn cầu	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
344	CHI341	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
345	CHI345	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
346	CHI342	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
347	CHI346	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
348	CHI349	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
349	CHI347	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
350	CHI343	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
351	ENG301	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
352	ENG347	Tiếng Anh viết 1	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
353	JAP492	Thực hành giảng dạy	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị quản lý hiện hành	Đơn vị quản lý mới
354	JAP490	Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
355	JAP411	Kiểm tra đánh giá trong dạy học ngoại ngữ	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
356	SKL102	Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ và giáo dục	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
357	ENG450	Biên dịch thương mại	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
358	ENG451	Phiên dịch thương mại	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
359	ENG505	TTTN Ngôn ngữ Anh	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
360	ENG506	Khóa luận tốt nghiệp	9	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
361	JAP308	Tiếng Nhật đọc 1	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
362	JAP310	Tiếng Nhật nghe - nói 1	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
363	JAP318	Tiếng Nhật tổng hợp 1	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
364	JAP309	Tiếng Nhật đọc 2	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
365	JAP311	Tiếng Nhật nghe - nói 2	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
366	JAP319	Tiếng Nhật tổng hợp 2	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
367	JAP439	Tiếng Nhật nghe - nói 3	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
368	JAP453	Tiếng Nhật đọc 3	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
369	JAP467	Tiếng Nhật tổng hợp 3	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
370	JAP440	Tiếng Nhật nghe - nói 4	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
371	JAP454	Tiếng Nhật đọc 4	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
372	JAP468	Tiếng Nhật tổng hợp 4	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
373	JAP424	Địa lý dân cư và kinh tế Nhật Bản	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
374	JAP427	Lịch sử Nhật Bản	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
375	JAP441	Tiếng Nhật nghe - nói 5	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
376	JAP455	Tiếng Nhật đọc 5	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
377	JAP472	Tiếng Nhật viết 1	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
378	JAP483	Văn học Nhật Bản	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
379	JAP442	Tiếng Nhật nghe - nói 6	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị quản lý hiện hành	Đơn vị quản lý mới
380	JAP456	Tiếng Nhật đọc 6	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
381	JAP473	Tiếng Nhật viết 2	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
382	JAP481	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
383	JAP482	Văn hóa Nhật Bản	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
384	JAP418	Biên dịch Nhật Việt - Việt Nhật	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
385	JAP422	Cú pháp học tiếng Nhật	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
386	JAP425	Giáo dục Nhật Bản	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
387	JAP430	Ngữ âm học tiếng Nhật	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
388	JAP432	Nhật Bản hiện đại	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
389	JAP433	Phiên dịch Nhật Việt - Việt Nhật	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
390	JAP443	Tiếng Nhật nghe - nói 7	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
391	JAP444	Tiếng Nhật bất động sản	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
392	JAP447	Tiếng Nhật du lịch	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
393	JAP457	Tiếng Nhật đọc 7	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
394	JAP465	Tiếng Nhật nhà hàng - khách sạn	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
395	JAP471	Tiếng Nhật văn phòng	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
396	JAP474	Tiếng Nhật viết 3	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
397	JAP475	Tiếng Nhật xuất nhập khẩu	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
398	JAP476	Tiếng Nhật y tế - điều dưỡng	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
399	JAP419	Biên dịch Nhật Việt - Việt Nhật nâng cao	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
400	JAP434	Phiên dịch Nhật Việt - Việt Nhật nâng cao	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
401	JAP469	Tiếng Nhật tổng hợp nâng cao	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
402	JAP590	KLTN Ngôn ngữ Nhật	12	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
403	JAP480	Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
404	JAP333	Kỹ năng viết tiếng Nhật 1	4	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
405	JAP334	Kỹ năng đọc tiếng Nhật 1	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị quản lý hiện hành	Đơn vị quản lý mới
406	JAP332	Kỹ năng nghe - nói tiếng Nhật 1	4	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
407	JAP335	Kỹ năng nghe - nói tiếng Nhật 2	4	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
408	JAP337	Kỹ năng viết tiếng Nhật 2	4	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
409	JAP336	Kỹ năng đọc tiếng Nhật 2	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
410	JAP345	Tiếng Nhật nghe - nói 3	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
411	JAP342	Tiếng Nhật đọc - viết 3	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
412	JAP348	Tiếng Nhật ngữ pháp 3	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
413	JAP349	Tiếng Nhật nghe - nói 4	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
414	JAP350	Tiếng Nhật đọc - viết 4	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
415	JAP351	Tiếng Nhật ngữ pháp 4	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
416	JAP487	Lịch sử, văn hóa, xã hội Nhật Bản	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
417	JAP495	Tiếng Nhật nghe - nói trung cấp	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
418	JAP493	Tiếng Nhật đọc - viết trung cấp	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
419	JAP354	Tiếng Nhật công sở	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
420	JAP402	Biên phiên dịch thương mại Nhật Việt - Việt Nhật	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
421	JAP497	Tiếng Nhật ngữ pháp nâng cao	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
422	JAP494	Tiếng Nhật đọc - viết nâng cao	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
423	JAP496	Tiếng Nhật nghe - nói nâng cao	3	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
424	JAP340	Tiếng Nhật đọc - viết 1	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
425	JAP343	Tiếng Nhật nghe - nói 1	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
426	JAP346	Tiếng Nhật ngữ pháp 1	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
427	JAP344	Tiếng Nhật nghe - nói 2	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
428	JAP341	Tiếng Nhật đọc - viết 2	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
429	JAP347	Tiếng Nhật ngữ pháp 2	2	Khoa Ngoại ngữ	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
430	KOR201	Tiếng Hàn giao tiếp 1	3	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
431	KOR202	Tiếng Hàn giao tiếp 2	3	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị quản lý hiện hành	Đơn vị quản lý mới
432	JAP304	Nhập môn ngành Nhật Bản học	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
433	JAP317	Trải nghiệm ngành, nghề	1	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
434	JAP478	Thực tập cơ sở Nhật Bản học	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
435	JAP438	Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
436	JAP589	TTTN Nhật Bản học	5	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
437	KOR303	Nhập môn Hàn Quốc học	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
438	KOR310	Trải nghiệm ngành, nghề	1	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
439	KOR304	Tiếng Hàn đọc 1	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
440	KOR306	Tiếng Hàn nghe - nói 1	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
441	KOR308	Tiếng Hàn ngữ pháp 1	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
442	KOR305	Tiếng Hàn đọc 2	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
443	KOR307	Tiếng Hàn nghe - nói 2	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
444	KOR309	Tiếng Hàn ngữ pháp 2	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
445	KOR419	Tiếng Hàn đọc 3	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
446	KOR426	Tiếng Hàn nghe - nói 3	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
447	KOR431	Tiếng Hàn ngữ pháp 3	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
448	KOR420	Tiếng Hàn đọc 4	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
449	KOR432	Tiếng Hàn ngữ pháp 4	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
450	KOR443	Tiếng Hàn nghe - nói 4	3	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
451	KOR414	Địa lý dân cư và kinh tế Hàn Quốc	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
452	KOR415	Lịch sử Hàn Quốc	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
453	KOR421	Tiếng Hàn đọc 5	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
454	KOR435	Tiếng Hàn viết 1	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
455	KOR441	Văn hóa Hàn Quốc	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
456	KOR444	Tiếng Hàn nghe - nói 5	3	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
457	KOR411	Biên phiên dịch 1	3	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị quản lý hiện hành	Đơn vị quản lý mới
458	KOR422	Tiếng Hàn đọc 6	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
459	KOR429	Tiếng Hàn nghe - nói 6	3	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
460	KOR436	Tiếng Hàn viết 2	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
461	KOR439	Thực tập cơ sở Hàn Quốc học	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
462	KOR412	Biên phiên dịch 2	3	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
463	KOR416	Quy tắc giao tiếp trong tiếng Hàn	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
464	KOR417	Tiếng Hàn bất động sản	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
465	KOR418	Tiếng Hàn du lịch	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
466	KOR423	Tiếng Hàn đọc 7	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
467	KOR424	Tiếng Hàn kinh thương	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
468	KOR430	Tiếng Hàn nghe - nói 7	3	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
469	KOR437	Tiếng Hàn viết 3	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
470	KOR442	Văn học Hàn Quốc	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
471	KOR413	Biên phiên dịch 3	3	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
472	KOR425	Tiếng Hàn nghe - nói 8	3	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
473	KOR433	Tiếng Hàn ngữ pháp nâng cao	3	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
474	KOR440	Tiếng Hàn Văn bản Thư tín	3	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
475	KOR544	TTTN Hàn Quốc học	5	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
476	KOR545	Khóa luận tốt nghiệp	12	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
477	ORI302	Trải nghiệm ngành, nghề	1	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
478	ORI301	Nhập môn ngành Đông Phương học	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
479	ORI303	Cơ sở ngôn ngữ học	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
480	ORI306	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
481	ORI402	Thực tập cơ sở Đông phương học	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
482	ORI307	Hán tự học tổng hợp	3	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
483	ORI502	KLTN Đông phương học	12	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị quản lý hiện hành	Đơn vị quản lý mới
484	ORI503	TTTN Đông phương học	5	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
485	KOR311	Tiếng Hàn đọc - viết 1	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
486	KOR451	Văn học Hàn Quốc	3	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
487	KOR312	Tiếng Hàn đọc - viết 2	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
488	KOR452	Địa lý dân cư và kinh tế Hàn Quốc	3	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
489	KOR445	Tiếng Hàn nghe - nói 3	3	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
490	KOR453	Tiếng Hàn đọc - viết 3	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
491	KOR323	Tiếng Hàn nghe - nói 4	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
492	KOR324	Tiếng Hàn đọc - viết 4	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
493	KOR322	Tiếng Hàn bất động sản	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
494	KOR321	Tiếng Hàn du lịch	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
495	KOR325	Tiếng Hàn thư tín	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
496	KOR455	Tiếng Hàn kinh thương	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
497	KOR327	Tiếng Hàn đọc - viết 5	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
498	KOR329	Tiếng Hàn nghe - nói 5	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
499	KOR328	Tiếng Hàn đọc - viết 6	3	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
500	KOR330	Tiếng Hàn nghe - nói 6	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
501	KOR331	Nhập môn biên phiên dịch tiếng Hàn	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
502	ORI401	Chuyên đề Hàn Quốc học	3	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
503	KOR457	Tiếng Hàn viết luận nâng cao	3	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
504	KOR456	Tiếng Hàn nghe - nói nâng cao	3	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
505	KOR454	Quy tắc giao tiếp tiếng Hàn	3	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
506	KOR313	Tiếng Hàn nghe - nói 1	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
507	KOR316	Tiếng Hàn đọc - viết 1	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
508	KOR320	Địa lý dân cư và kinh tế Hàn Quốc	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
509	KOR314	Tiếng Hàn nghe - nói 2	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị quản lý hiện hành	Đơn vị quản lý mới
510	KOR317	Tiếng Hàn đọc - viết 2	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
511	KOR319	Lịch sử và văn hóa Hàn Quốc	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
512	KOR315	Tiếng Hàn nghe - nói 3	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
513	KOR318	Tiếng Hàn đọc - viết 3	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
514	KOR326	Nhập môn biên phiên dịch tiếng Hàn	3	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
515	ORI309	Lịch sử Trung Quốc	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
516	ORI310	Chính sách đối ngoại Trung Quốc	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
517	ORI308	Địa lý và dân cư Trung Quốc	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
518	ORI404	Con đường hiện đại hóa Trung Quốc	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
519	ORI403	Văn hóa Trung Quốc	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
520	ORI405	Tổng quan du lịch Trung Quốc	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
521	ORI406	Ngữ pháp tiếng Hán hiện đại	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
522	ORI407	Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
523	INR301	Nhập môn ngành Quan hệ quốc tế	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
524	INR302	Trải nghiệm ngành, nghề	1	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
525	INR304	Lịch sử quan hệ quốc tế	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
526	INR305	Chính sách đối ngoại Việt Nam	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
527	INR407	Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
528	INR414	Truyền thông số trong quan hệ quốc tế	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
529	INR401	Lý thuyết quan hệ quốc tế	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
530	INR424	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ quốc tế	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
531	INR422	Ứng xử trong quan hệ đối ngoại	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
532	INR412	Phân tích và bình luận sự kiện quốc tế	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
533	INR423	Phương pháp thuyết trình tiếng Anh trong Quan hệ quốc tế	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị quản lý hiện hành	Đơn vị quản lý mới
534	INR402	Việt Nam trong cục diện chính trị và kinh tế thế giới thế kỷ 21	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
535	INR411	Viết và biên tập bài báo quốc tế	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
536	INR303	Thực tập cơ sở Quan hệ quốc tế	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
537	INR306	Quan hệ kinh tế quốc tế	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
538	INR307	Chính trị học đại cương	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
539	INR308	Địa lý kinh tế thế giới	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
540	INR309	Văn hóa đối ngoại Việt Nam	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
541	INR310	Nghiệp vụ báo chí quốc tế	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
542	INR420	Nghiệp vụ đối ngoại và lễ tân ngoại giao	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
543	INR409	Quản trị khủng hoảng và xung đột	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
544	INR410	Hội nhập và xung đột văn hóa	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
545	INR403	Đàm phán quốc tế	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
546	INR404	Các vấn đề toàn cầu trong quan hệ quốc tế hiện đại	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
547	INR408	Phát ngôn viên đối ngoại	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
548	INR405	Chính sách đối ngoại Hoa Kỳ	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
549	INR421	Công cụ truyền thông trong quan hệ quốc tế	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
550	INR413	Xây dựng và phát triển thương hiệu quốc tế	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
551	INR426	Tổ chức và quản trị sự kiện quốc tế	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
552	INR419	Hoạt động thực tế chuyên môn	4	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
553	INR415	An ninh năng lượng thế giới	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
554	INR416	Tổ chức hội nghị, hội thảo ngoại giao quốc tế	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
555	INR417	Quan hệ đối ngoại của Liên minh châu Âu	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
556	INR418	Quan hệ báo chí	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
557	INR501	TTTN Quan hệ quốc tế	5	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
558	INR502	KLTN Quan hệ quốc tế	12	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị quản lý hiện hành	Đơn vị quản lý mới
559	INR427	An ninh con người	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
560	INR428	Địa chính trị	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
561	INR429	Đối ngoại công chúng (PR)	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
562	INR430	Các tôn giáo lớn trên thế giới	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
563	INR431	Luật quốc tế	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
564	INR432	Phương pháp thu thập và xử lý thông tin quốc tế	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
565	CHI352	Nhập môn ngành Trung Quốc học	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
566	CHI353	Trải nghiệm ngành, nghề	1	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
567	CHI462	Tiếng Trung Quốc đọc căn bản	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
568	CHI466	Tiếng Trung Quốc viết căn bản	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
569	CHI463	Tiếng Trung Quốc đọc sơ cấp	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
570	CHI467	Tiếng Trung Quốc viết sơ cấp	2	Khoa Quốc tế học	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế